TỈNH ỦY BÌNH THUẬN * Số 710-QĐ/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Phan Thiết, ngày 14 tháng 8 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

về việc phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển công chức vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2017

- Căn cứ Quyết định số 690-QĐ/TU, ngày 11/7/2017 của Tỉnh ủy (khóa XIII) về việc ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIII, nhiệm kỳ 2015 – 2020 *(bổ sung, điều chỉnh)*;

- Căn cứ Quyết định số 2552-QĐ/TU, ngày 13/4/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân công, phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ, công chức lãnh đạo;

- Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Thông tư số 13/2010/TT-BNV, ngày 30/12/2010 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều về tuyển dụng và nâng ngạch công chức của Nghị định số 24/2010/NĐ-CP, ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

- Căn cứ Quyết định số 494-QĐ/TU, ngày 15/02/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế tuyển dụng, tiếp nhận công chức, viên chức vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện của tỉnh Bình Thuận; Kế hoạch số 54-KH/TU ngày 07/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tuyển dụng công chức vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2017;

- Căn cứ Quyết định số 587-QĐ/TU, ngày 26/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2017; Quyết định số 665-QĐ/TU, ngày 31/5/2017 về việc bổ sung thành viên Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2017;

- Xét đề nghị của Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2017,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kết quả kỳ thi tuyển công chức vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2017, cụ thể như sau:

- Trúng tuyển: 101 thí sinh.

- Không trúng tuyển: 15 thí sinh.

(có danh sách kèm theo).

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

Điều 2: Giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo kết quả trúng tuyển bằng văn bản đến người dự thi; đồng thời ra quyết định tuyển dụng công chức đối với người trúng tuyển theo quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan đơn vị có liên quan và các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Hội đồng tuyển dụng;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

(đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Thanh Cảnh

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

Số hóa bởi Văn phũng Tỉnh ủy Bỡnh Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

Số hóa bởi Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận. http://binhthuancpv.org.vn/

TỈNH ỦY BÌNH THUẬN

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phan Thiết, ngày tháng 8 năm 2017

DANH SÁCH

kết quả kỳ tuyển công chức công chức vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội năm 2017

(kèm theo Quyết định số 710-QĐ/TU ngày 14/8/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
1	001	Trần Y	Na	20/8/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đức Linh	87,00	90,0	80,0	10	Đảng viên	72,5	92,5	**354**	Trúng tuyển
2	002	Nguyễn Thị Hồng	Viên	26/11/1990	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Đức Linh	92,00	90,0	87,5			90	100	**361,5**	Trúng tuyển
3	003	Trương Văn	Tiến	16/5/1983	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Phan Thiết	73,00	82,0	90,0	10	Đảng viên, người hoàn thành NVQS	87,5	55	**328**	Trúng tuyển
4	004	Nguyễn Thị Kim	Anh	02/10/1981	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Phan Thiết	60,00	66,0	87,5	10	Đảng viên	82,5	65	**283,5**	Trúng tuyển
5	*005*	*Nguyễn Thanh*	*Sơn*	*17/6/1985*	*Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Phan Thiết*	*50,50*	*64,0*	*65,0*			*75*	*Miễn*	***230***	*Không trúng tuyển*
6	006	Võ Thị Kim	Cúc	22/12/1992	Chuyên viên Văn phòng Thành ủy Phan Thiết	96,50	86,0	87,5			80	100	**366,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
7	007	Phạm Thị Thùy	Linh	9/3/1984	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Tuy Phong	99,50	80,0	85,0	10	Đảng viên	87,5	85	**374**	Trúng tuyển
8	*008*	*Trần Gia Hương*	*Trà*	*30/10/1987*	*Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Tuy Phong*	*88,50*	*92,0*	*87,5*			*85*	*95*	***356,5***	*Không Trúng tuyển*
9	009	Nguyễn Trần Bích	Nguyên	26/10/1992	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Tánh Linh	90,50	94,0	95,0	10	Đảng viên	92,5	97,5	**380**	Trúng tuyển
10	010	Lê Ngọc	Phương	02/10/1990	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hàm Thuận Nam	98,75	94,0	90,0	10	Đảng viên	92,5	95	**391,5**	Trúng tuyển
11	011	Đặng Quang	Vinh	04/11/1991	Chuyên viên Văn phòng Huyện ủy Hàm Thuận Nam	75,00	80,0	97,5			95	62,5	**327,5**	Trúng tuyển
12	012	Nguyễn Anh	Trung	30/8/1989	Chuyên viên Văn phòng Đảng ủy Khối doanh nghiệp	99,25	90,0	97,5	10	Đảng viên	95	97,5	**396**	Trúng tuyển
13	013	Ngô Thị Thanh	Phương	20/02/1988	Chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy	97,50	98,0	92,5			87,5	85	**385,5**	Trúng tuyển
14	014	Lê Xuân	Anh	12/3/1984	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Tuy Phong	95,25	98,0	92,5	10	Đảng viên	92,5	87,5	**391**	Trúng tuyển
15	015	Phạm Hồng	Thắng	13/11/1984	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Tánh Linh	75,50	98,0	97,5	20	Con thương binh, Đảng viên	95	75	**366,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
16	016	Nguyễn Thị	Phượng	4/4/1986	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Tánh Linh	77,25	98,0	92,5			Miễn	92,5	**345**	Trúng tuyển
17	017	Trương Vũ	Trinh	4/3/1989	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Hàm Thuận Nam	96,75	88,0	92,5	20	Con thương binh, Đảng viên	95	97,5	**394**	Trúng tuyển
18	018	Võ Trung	Hùng	01/01/1983	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Hàm Thuận Nam	75,00	72,0	95,0	20	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Đảng viên	92,5	100	**337**	Trúng tuyển
19	019	Trần Ngọc	Bảo	6/9/1989	Chuyên viên Ban Tổ chức ĐU Khối doanh nghiệp	91,00	94,0	90,0			95	95	**366**	Trúng tuyển
20	020	Huỳnh Thanh	Nhị	11/01/1984	Chuyên viên Ban Tổ chức Huyện ủy Hàm Thuận Bắc	73,75	72,0	95,0	10	Đảng viên	85	95	**324,5**	Trúng tuyển
21	021	Hoàng Thị Thanh	Hải	23/4/1984	Chuyên viên Ban Nội chính Tỉnh ủy	93,00	88,0	100,0	10	Đảng viên	95	92,5	**384**	Trúng tuyển
22	022	Lê Thị Xuân	Hải	07/02/1989	Chuyên viên Ban Nội chính Tỉnh ủy	98,00	90,0	100,0			100	97,5	**386**	Trúng tuyển
23	*023*	*Đặng Minh*	*Hiệp*	*25/3/1982*	*Chuyên viên Ban Nội chính Tỉnh ủy*	*94,25*	*86,0*	*97,5*	*10*	*Đảng viên*	*95*	*92,5*	***382***	*Không trúng tuyển*

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
24	024	Ngô Minh Quốc	Cường	22/3/1985	Chuyên viên Ban Nội chính Tỉnh ủy	97,50	84,0	95,0	10	Người hoàn thành nghĩa vụ công an nhân dân	92,5	97,5	**384**	Trúng tuyển
25	025	Nguyễn Trần Khánh	Vi	12/3/1992	Chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	99,75	80,0	100,0			92,5	97,5	**379,5**	Trúng tuyển
26	026	Vương Thị Kim	Yến	20/9/1986	Chuyên viên Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Hàm Tân	93,00	86,0	85,0	20	Con thương binh	97,5	72,5	**377**	Trúng tuyển
27	027	Trần Hồng	Chính	30/10/1976	Chuyên viên Ủy Ban kiểm tra Huyện ủy Bắc Bình	92,25	80,0	92,5	20	Con thương binh, Đảng viên	92,5	90	**377**	Trúng tuyển
28	028	Nguyễn Thị Hòa	Tâm	13/9/1984	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Thành ủy Phan Thiết	98,50	88,0	85,0	10	Đảng viên	Miễn	95	**380**	Trúng tuyển
29	029	Phạm Thị	Phương	30/7/1983	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tuy Phong	98,00	92,0	90,0			90	90	**378**	Trúng tuyển
30	*030*	*Lê Thị Kim*	*Thanh*	*22/8/1991*	*Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tuy Phong*	*99,00*	*84,0*	*85,0*	*10*	*Đảng viên*	*75*	*87,5*	***377***	*Không Trúng tuyển*
31	031	Nguyễn Thành	Lâm	30/11/1978	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Tánh Linh	76,50	74,0	87,5	10	Đảng viên	82,5	80	**324,5**	Trúng tuyển
32	032	Đoàn Thị Trúc	Ly	02/02/1991	Chuyên viên Ban Tuyên giáo Huyện ủy Hàm Thuận Nam	93,50	90,0	100,0	10	Đảng viên	70	80	**387**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
33	033	La Thị Bích	Hòa	27/12/1982	Chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy	98,00	84,0	100,0	10	Đảng viên	Miễn	80	**390**	Trúng tuyển
34	*034*	*Nguyễn Đức Vĩnh*	*Tuyên*	*20/5/1989*	*Chuyên viên Ban Dân vận Tỉnh ủy*	*96,50*	*86,0*	*97,5*			*80*	*95*	***376,5***	*Không trúng tuyển*
35	*035*	*Lê Văn*	*Bình*	*29/12/1978*	*Chuyên viên Ban Dân vận Thành ủy Phan Thiết*	*92,50*	*78,0*	*80,0*	*10*	*Đảng viên*	*82,5*	*95*	***353***	*Không trúng tuyển*
36	036	Phạm Ngọc	Tuân	10/10/1989	Chuyên viên Ban Dân vận Thành ủy Phan Thiết	99,50	86,0	92,5	10	Đảng viên	92,5	92,5	**387,5**	Trúng tuyển
37	037	Nguyễn Hoàng Thi	Hà	23/5/1988	Chuyên viên Ban Dân vận HU Hàm Thuận Nam	99,50	80,0	90,0			82,5	80	**369**	Trúng tuyển
38	038	Hoàng Thị Hồng	Điệp	20/7/1971	Chuyên viên Liên đoàn Lao động tỉnh	94,50	66,0	100,0	10	Đảng viên	92,5	70	**365**	Trúng tuyển
39	039	Trần Duy	Thanh	02/02/1983	Chuyên viên Liên đoàn Lao động tỉnh	96,50	72,0	87,5	10	Đảng viên	87,5	67,5	**362,5**	Trúng tuyển
40	040	La Mỹ	Dung	21/10/1985	Chuyên viên Liên đoàn Lao động tỉnh	81,00	84,0	95,0	10	Đảng viên	72,5	67,5	**351**	Trúng tuyển
41	*041*	*Trần Mỹ*	*Vân*	*03/8/1993*	*Chuyên viên Hội Nông dân thành phố Phan Thiết*	*4,00*	*74,0*	*55,0*			*65,5*	*90*	***137***	*Không trúng tuyển*

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
42	042	Phạm Vĩnh	Hưng	03/10/1987	Chuyên viên Hội Nông dân thành phố Phan Thiết	88,50	92,0	82,5			77,5	97,5	**351,5**	Trúng tuyển
43	*043*	*Nguyễn Văn*	*Nam*	*17/12/1983*	*Chuyên viên Hội Nông dân thành phố Phan Thiết*	*60,00*	*bỏ thi*	*bỏ thi*	*10*	*Đảng viên, người hoàn thành NVQS*	*bỏ thi*	*bỏ thi*	***130***	*Không trúng tuyển*
44	*044*	*Trần Thị Thanh*	*Nam*	*01/7/1987*	*Chuyên viên Hội Nông dân huyện Hàm Thuận Bắc*	*82,50*	*86,0*	*80,0*			*100*	*82,5*	***331***	*Không Trúng tuyển*
45	045	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	30/12/1990	Chuyên viên Hội Nông dân huyện Hàm Thuận Bắc	87,50	86,0	72,5			80	70	**333,5**	Trúng tuyển
46	046	Nguyễn Thị Thúy	Vy	10/6/1989	Chuyên viên Hội Nông dân huyện Hàm Thuận Nam	85,50	84,0	72,5	10	Đảng viên	67,5	85	**337,5**	Trúng tuyển
47	047	Nguyễn Minh	Du	14/8/1986	Chuyên viên Hội Nông dân huyện Bắc Bình	84,50	88,0	82,5	10	Đảng viên	87,5	95	**349,5**	Trúng tuyển
48	048	Nguyễn Thị Ái	Phương	28/5/1988	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	95,00	84,0	100,0			95	92,5	**374**	Trúng tuyển
49	049	Võ Thanh	Hiền	13/11/1990	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	98,50	92,0	100,0			95	Miễn	**389**	Trúng tuyển
50	050	Trương Thị	Dung	28/01/1983	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Hàm Tân	82,50	82,0	95,0	10	Đảng viên	100	55	**352**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
51	051	Huỳnh Nguyễn Tường	Vy	14/10/1988	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đức Linh	87,50	92,0	95,0			95	77,5	**362**	Trúng tuyển
52	*052*	*Nguyễn Thị Ánh*	*Sao*	*3/8/1986*	*Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Phan Thiết*	*93,50*	*78,0*	*100,0*			*90*	*85*	***365***	*Không trúng tuyển*
53	053	Nguyễn Đỗ Ngọc	Phượng	10/8/1990	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Phan Thiết	98,00	88,0	100,0			95	95	**384**	Trúng tuyển
54	054	Trương Thị Thùy	Linh	10/6/1982	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Tuy Phong	97,00	88,0	97,5	10	Đảng viên	87,5	Miễn	**389,5**	Trúng tuyển
55	055	Phạm Thanh	Tịnh	26/9/1991	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Tánh Linh	80,50	76,0	100,0	10	Đảng viên	95	85	**347**	Trúng tuyển
56	056	Võ Thị Ngọc	Trang	30/01/1986	Chuyên viên Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Hàm Thuận Bắc	91,00	88,0	97,5	10	Đảng viên	100	82,5	**377,5**	Trúng tuyển
57	057	Lê Thanh	Vũ	27/11/1986	Chuyên viên Thành đoàn Phan Thiết	91,50	82,0	70,0	10	Đảng viên	82,5	95	**345**	Trúng tuyển
58	*058*	*Nguyễn Ngô Hằng*	*Thư*	*7/9/1989*	*Chuyên viên Thành đoàn Phan Thiết*	*80,50*	*86,0*	*82,5*	*10*	*Đảng viên*	*Miễn*	*92,5*	***339,5***	*Không trúng tuyển*
59	059	Nguyễn Phạm Hồng	Trâm	25/12/1990	Chuyên viên Thành đoàn Phan Thiết	95,00	88,0	95,0	20	Con thương binh, Đảng viên	92,5	95	**393**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
60	060	Nguyễn Xuân	Nam	20/9/1991	Chuyên viên Huyện đoàn Đức Linh	97,00	94,0	92,5	20	Con thương binh	97,5	85	**400,5**	Trúng tuyển
61	061	Trần Duy	Anh	20/08/1990	Chuyên viên Huyện đoàn Đức Linh	77,50	94,0	82,5			97,5	92,5	**331,5**	Trúng tuyển
62	062	Phạm Hữu	Hùng	26/12/1987	Chuyên viên Huyện đoàn Đức Linh	92,00	88,0	97,5	20	Con thương binh, Đảng viên	87,5	97,5	**389,5**	Trúng tuyển
63	063	Văn Quý	Việt	10/10/1990	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Tân	90,00	94,0	95,0	10	Đảng viên	95	100	**379**	Trúng tuyển
64	064	Đoàn Minh	Tâm	01/3/1991	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	93,50	90,0	100,0			100	92,5	**377**	Trúng tuyển
65	065	Đoàn Mai Quốc	Hùng	02/12/1988	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	87,00	86,0	95,0			92,5	95	**355**	Trúng tuyển
66	066	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	07/6/1990	Chuyên viên Huyện đoàn Bắc Bình	83,00	68,0	95,0			97,5	Miễn	**329**	Trúng tuyển
67	067	Dụng Lư Bảo	Thoa	19/10/1994	Chuyên viên Huyện đoàn Bắc Bình	92,00	68,0	85,0	20	Dân tộc Chăm	92,5	100	**357**	Trúng tuyển
68	068	Lê Quang	Đức	20/6/1989	Chuyên viên Huyện đoàn Bắc Bình	78,00	78,0	87,5			95	85	**321,5**	Trúng tuyển
69	069	Nguyễn Phan Tường	Vi	26/01/1991	Chuyên viên Huyện đoàn Tuy Phong	77,00	90,0	77,5	10	Đảng viên	87,5	92,5	**331,5**	Trúng tuyển
70	070	Phạm Văn	Tiến	20/6/1990	Chuyên viên Huyện đoàn Tánh Linh	86,00	74,0	70,0	10	Đảng viên	85	65	**326**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
71	071	Trần Bảo	Như	6/4/1991	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Thuận Nam	92,00	86,0	82,5			67,5	100	**352,5**	Trúng tuyển
72	072	Phạm Phú	Long	18/3/1991	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Thuận Nam	95,00	82,0	80,0	10	Đảng viên, quân nhân xuất ngũ	90	87,5	**362**	Trúng tuyển
73	073	Nguyễn Anh	Tiến	24/6/1991	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Thuận Bắc	85,00	76,0	62,5	10	Đảng viên	80	97,5	**318,5**	Trúng tuyển
74	074	Trần Quốc	Thắng	09/02/1992	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Thuận Bắc	91,00	82,0	72,5			90	95	**336,5**	Trúng tuyển
75	075	Phạm Huỳnh	Duy	02/02/1985	Chuyên viên Huyện đoàn Hàm Thuận Bắc	84,00	74,0	75,0	10	Đảng viên	97,5	90	**327**	Trúng tuyển
76	076	Nguyễn Duy	Linh	27/4/1988	Chuyên viên công tác phong trào đoàn, Văn phòng Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh	89,50	80,0	80,0	10	Đảng viên	Miễn	87,5	**349**	Trúng tuyển
77	*077*	*Nguyễn Quốc*	*Thiện*	*13/11/1988*	*Chuyên viên Đoàn khối doanh nghiệp*	*3,00*	*64,0*	*62,5*			*Miễn*	*77,5*	***132,5***	*Không trúng tuyển*
78	078	Nguyễn Trọng	Tùng	21/7/1991	Chuyên viên Đoàn khối doanh nghiệp	98,00	82,0	87,5			90	87,5	**365,5**	Trúng tuyển
79	079	Nguyễn Ngọc	Thiện	24/8/1986	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	51,50	78,0	90,0			85	Miễn	**271**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
80	080	Nguyễn Thị Bích	Diệu	24/3/1988	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	79,50	84,0	97,5			97,5	75	**340,5**	Trúng tuyển
81	081	Lê Thị Minh	Hằng	26/6/1989	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	87,00	86,0	100,0	10	Đảng viên	95	90	**370**	Trúng tuyển
82	082	Trần Thị Hồng	Hoa	21/7/1987	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	71,50	74,0	90,0	20	Con bệnh binh, Đảng viên	92,5	82,5	**327**	Trúng tuyển
83	083	Bùi Thị Kim	Huệ	04/10/1987	Chuyên viên Tỉnh đoàn Thanh niên	99,00	76,0	90,0	20	Dân tộc Mường, Đảng viên	90	75	**384**	Trúng tuyển
84	084	Phan Thị	Hiệp	06/01/1983	Chuyên viên Hội Cựu chiến binh huyện Bắc Bình	99,50	84,0	100,0			85	85	**383**	Trúng tuyển
85	085	Nguyễn Doãn	Thảo	20/02/1978	Chuyên viên Hội Cựu chiến binh huyện Tánh Linh	93,00	82,0	100,0	20	Con thương binh, Đảng viên, người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	92,5	92,5	**388**	Trúng tuyển
86	086	Trần Thị Như	Trúc	08/12/1990	Kế toán Ban Nội chính Tỉnh ủy	100,00	88,0	92,5			92,5	97,5	**380,5**	Trúng tuyển
87	087	Đỗ Ngọc	Vương	10/10/1990	Kế toán Hội Cựu chiến binh tỉnh	93,50	82,0	92,5			100	90	**361,5**	Trúng tuyển
88	088	Nguyễn Thị	Anh	01/12/1985	Kế toán Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	99,00	80,0	87,5	20	Con thương binh	90	85	**385,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
89	*089*	*Nguyễn Thị Thu*	*Hoài*	*27/4/1979*	*Kế toán Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh*	*79,00*	*68,0*	*90,0*			*85*	*92,5*	***316***	*Không trúng tuyển*
90	090	Hà Thị Diễm	My	15/5/1990	Kế toán Văn phòng Huyện ủy Phú Quý	82,50	84,0	87,5			87,5	97,5	**336,5**	Trúng tuyển
91	091	Trần Thị Hoàng	Vy	04/3/1992	Kế toán Văn phòng Thành ủy Phan Thiết	94,00	84,0	95,0			100	95	**367**	Trúng tuyển
92	092	Lê Thùy Bảo	Trâm	27/11/1991	Kế toán Văn phòng Thị ủy La Gi	95,00	80,0	92,5			97,5	95	**362,5**	Trúng tuyển
93	093	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/01/1981	Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	93,00	88,0	55,0	20	Con thương binh, Đảng viên	97,5	82,5	**349**	Trúng tuyển
94	094	Trần Thị Y	Mơ	26/02/1989	Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	97,00	88,0	90,0	10	Đảng viên	97,5	87,5	**382**	Trúng tuyển
95	*095*	*Huỳnh Thị Mỹ*	*Ly*	*26/7/1984*	*Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy*	*91,00*	*70,0*	*77,5*			*92,5*	*95*	***329,5***	*Không Trúng tuyển*
96	*096*	*Phạm Thị Linh*	*Chi*	*05/10/1982*	*Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy*	*87,00*	*72,0*	*87,5*	*10*	*Đảng viên*	*87,5*	*95*	***343,5***	*Không Trúng tuyển*
97	097	Phạm Ý	Nhi	30/10/1988	Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy	96,00	90,0	92,5	10	Đảng viên	90	95	**384,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
98	098	Hồ Thị Hà	Giang	09/03/1992	Văn thư - Lưu trữ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy	95,00	96,0	90,0			85	100	**376**	Trúng tuyển
99	099	Trương Khôi	Nguyên	28/6/1989	Chuyên viên quản lý mạng tin học, Hội Nông dân tỉnh	97,00	92,0	95,0			Miễn	92,5	**381**	Trúng tuyển
100	100	Nguyễn Hữu Đinh	Tiến	19/3/1986	Chuyên viên Công nghệ thông tin, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	95,00	82,0	70,0			Miễn	90	**342**	Trúng tuyển
101	101	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	04/10/1991	Văn thư - Lưu trữ, Ban Nội chính Tỉnh ủy	80,00	88,0	87,5			92,5	85	**335,5**	Trúng tuyển
102	102	Huỳnh Văn	Khánh	12/6/1989	Quản trị mạng -Tổng hợp, Ban Nội chính Tỉnh ủy	88,00	76,0	92,5	10	Đảng viên	Miễn	95	**354,5**	Trúng tuyển
103	103	Ngô Thị	Hoa	02/02/1988	Văn thư - Lưu trữ, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	98,50	86,0	75,0	20	Con thương binh, Đảng viên	82	92,5	**378**	Trúng tuyển
104	104	Trương Vũ	Thắng	13/9/1989	Chuyên viên Quản trị mạng - tổng hợp, Tỉnh đoàn Thanh niên	72,50	86,0	80,0			Miễn	92,5	**311**	Trúng tuyển
105	105	Huỳnh Thị Thanh	Liêm	20/10/1993	Chuyên viên văn thư, lưu trữ, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	89,50	80,0	82,5			85	85	**341,5**	Trúng tuyển
106	106	Phạm Duy	Quang	10/8/1990	Quản trị mạng kiêm tổng hợp, Văn phòng Thị ủy La Gi	96,50	66,0	67,5	10	Đảng viên	Miễn	85	**336,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
107	107	Đỗ Đức	Duy	06/5/1987	Chuyên viên Quản trị mạng - tổng hợp, Văn phòng Huyện ủy Hàm Tân	92,00	72,0	82,5	10	Đảng viên	Miễn	80	**348,5**	Trúng tuyển
108	108	Trần Xuân	Tráng	14/01/1985	Chuyên viên văn thư lưu trữ, Văn phòng Huyện ủy Đức Linh	89,00	74,0	82,5			92,5	92,5	**334,5**	Trúng tuyển
109	109	Đoàn Thị Cẩm	Hằng	22/9/1991	Chuyên viên văn thư kiêm tổng hợp, Đoàn Khối doanh nghiệp	80,00	84,0	85,0			77,5	92,5	**329**	Trúng tuyển
110	110	Nguyễn Anh	Khoa	08/5/1994	Quản trị mạng kiêm Tổng hợp, Văn phòng Thành ủy Phan Thiết	97,00	82,0	82,5			Miễn	92,5	**358,5**	Trúng tuyển
111	111	Mai Hồng	Đăng	05/7/1989	Chuyên viên Quản trị mạng, Văn phòng Huyện ủy Bắc Bình	99,00	84,0	90,0	10	Đảng viên	Miễn	100	**382**	Trúng tuyển
112	112	Phan Thị	Hằng	15/7/1988	Chuyên viên văn thư, Huyện đoàn Tánh Linh	91,50	78,0	65,0	10	Đảng viên	80	87,5	**336**	Trúng tuyển
113	113	Nguyễn Đăng	Đính	12/02/1988	Quản trị mạng kiêm tổng hợp, Văn phòng Huyện ủy Hàm Thuận	95,00	88,0	87,5	10	Đảng viên	Miễn	90	**375,5**	Trúng tuyển
114	114	Đặng Thành	Đô	25/9/1983	Chuyên viên Văn thư - tổng hợp, Hội Cựu chiến binh huyện Hàm Thuận Nam	75,00	82,0	87,5	10	Đảng viên, quân nhân xuất ngũ	Miễn	92,5	**329,5**	Trúng tuyển

TT	SBD	Họ và	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Vị trí đăng ký dự tuyển	Điểm thi								Kết quả
						Nghiệp vụ chuyên ngành - tự luận (x hệ số 2)	Kiến thức chung (x hệ số 1)	Nghiệp vụ chuyên ngành - trắc nghiệm (x hệ số 1)	Điểm ưu tiên	Đối tượng ưu tiên	Điểm tin học	Điểm Ngoại ngữ	Tổng điểm	
(1)	*(2)*	*(3)*		*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*	*(12)*	*(13)=(6)²+(7)+(8)+(9)*	*(14)*
115	115	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/12/1980	Chuyên viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	82,50	60,0	100,0	10	Đảng viên	87,5	87,5	**335**	Trúng tuyển
116	116	Trần Thị Quỳnh	Như	04/4/1982	Chuyên viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Hàm Thuận	94,00	74,0	97,5	10	Đảng viên	90	92,5	**369,5**	Trúng tuyển

Danh sách này gồm có: 116 thí sinh